ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ TẠI NCB

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại NCB *(Sau đây gọi tắt là "Điều khoản Điều kiện")* này được hiểu như sau:

1.1. NCB: Là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

1.2. Tổ chức phát hành thẻ (TCPHT): Là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện phát hành thẻ theo quy định pháp luật.

1.3. Tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT): Là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện thanh toán thẻ theo quy định pháp luật.

1.4. Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT): Là đơn vị chấp nhận thanh toán hàng hoá, dịch vụ bằng thẻ.

1.5. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (viết tắt là TCTGTT) bao gồm: Tổ chức chuyển mạch thẻ; Tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ và TCTGTT có hợp tác với TCTTT.

1.6. Tổ chức thẻ Quốc tế (TCTQT): Là tổ chức được thành lập, hoạt động ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với các TCPHT, TCTTT, tổ chức chuyển mạch thẻ và/hoặc các bên liên quan để hợp tác về hoạt động thẻ ngân hàng đối với thẻ có mã TCPHT do TCTQT cấp hoặc thẻ có mã TCPHT của quốc gia khác, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.

1.7. Chủ thẻ: Là cá nhân được NCB cung cấp thẻ để sử dụng, bao gồm chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ.

a) Chủ thẻ chính: Là cá nhân đứng tên thực hiện giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ với NCB.

b) Chủ thẻ phụ: Là cá nhân được chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ bằng văn bản. Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ giữa chủ thẻ chính và NCB.

1.8. Thẻ tín dụng (Credit card): Là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thoả thuận với tổ chức phát hành thẻ.

1.9. Thẻ vật lý/Thẻ thông thường: Là thẻ có hình thức hiện hữu vật chất, thông thường được làm bằng chất liệu nhựa, có gắn chip điện tử để lưu giữ dữ liệu thẻ và có thông tin in trên thẻ theo quy định.

1.10. Thẻ phi vật lý/thẻ ảo: Là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới

dạng điện tử và hiển thị các thông tin trên thẻ theo quy định, được NCB phát hành cho chủ thẻ với mục đích thực hiện các giao dịch không cần thẻ vật lý như giao dịch qua internet, điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác. Thẻ phi vật lý có thể được in thành thẻ vật lý khi khách hàng có yêu cầu.

1.11. Giao dịch thẻ: Là việc sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán, rút tiền mặt và các dịch vụ khác do NCB, tổ chức thanh toán thẻ cung ứng theo quy định của pháp luật.

1.12. Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number - viết tắt là PIN) là mã số mật được NCB cấp cho chủ thẻ hoặc do chủ thẻ tạo lập theo quy trình được NCB quy định để sử dụng trong các giao dịch thẻ

1.13. Hạn mức thẻ tín dụng (HMTTD): Là hạn mức tín dụng tối đa do NCB cấp cho chủ thẻ chính để sử dụng thẻ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Chủ thẻ phụ dùng chung hạn mức với chủ thẻ chính.

1.14. Ngày đến hạn thanh toán: Là ngày cuối cùng mà chủ thẻ phải thanh toán cho NCB các khoản chi tiêu cùng phí và lãi phát sinh trong kỳ sao kê theo quy định của NCB.

1.15. Kỳ sao kê: Là một chu kỳ thời gian chủ thẻ sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thông qua hạn mức tín dụng được cấp, được tính từ ngày kế tiếp ngày phát hành sao kê của tháng trước cho đến ngày phát hành sao kê của tháng này. Chu kỳ này không bị ảnh hưởng nếu ngày phát hành sao kê trùng với ngày nghỉ/ngày lễ do Nhà nước và NCB quy định.

1.16. Sao kê: Là bảng liệt kê chi tiết các phát sinh trong kỳ sao kê (các khoản thanh toán, rút tiền mặt cùng phí và lãi phát sinh, các khoản trả nợ), dư nợ cuối kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu, ngày đến hạn thanh toán và các thông tin khác. Sao kê được gửi cho chủ thẻ để Chủ thẻ có các thông tin thực hiện trả nợ. Hình thức gửi sao kê cho chủ thẻ cụ thể phụ thuộc đăng ký của chủ thẻ và quy định từng thời kỳ của NCB.

1.17. Ngày sao kê: là ngày NCB lập sao kê và do NCB quy định đối với từng loại thẻ.

1.18. Giá trị thanh toán tối thiểu: là số tiền tối thiểu chủ thẻ phải thanh toán cho NCB trong mỗi kỳ sao kê theo quy định của NCB.

1.19. Hạn mức khả dụng (HMKD): Là số tiền còn lại trong thẻ tín dụng mà chủ thẻ có thể sử dụng để chi tiêu, rút tiền.

1.20. Số dư nợ: Là số dư nợ cuối kỳ của thẻ bao gồm các giao dịch thẻ, phí và lãi phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ được liệt kê trong sao kê.

1.21. Dư nợ đầu kỳ: Là tổng số dư nợ tài khoản thẻ tín dụng đến hết ngày sao kê của kỳ trước.

1.22. Dư nợ cuối kỳ: Là số dư nợ cuối kỳ bao gồm giá trị các giao dịch thẻ, phí, lãi phát

sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ trong kỳ và dư nợ còn lại chưa thanh toán của kỳ trước, bao gồm thẻ chính và (các) thẻ phụ (nếu có).

1.23. Máy giao dịch tự động là thiết bị mà chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện một hoặc một số các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, vấn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin thẻ hoặc các giao dịch khác theo quy định của pháp luật.

1.24. Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán bao gồm Point of Sale (viết tắt là POS), Mobile Point of Sale (viết tắt là mPOS) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác là các loại thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ.

1.25. IB (Internet Banking): Là dịch vụ Ngân hàng điện tử do NCB cung cấp cho Khách hàng thông qua mạng Internet, theo đó Khách hàng có thể thông qua giao diện web do NCB cung cấp để thực hiện các giao dịch với Ngân hàng mà không cần tới quầy giao dịch.

1.26. Mobile Banking (MB): Là dịch vụ Ngân hàng điện tử do NCB cung cấp cho Khách hàng, theo đó Khách hàng có thể thông qua ứng dụng Mobile Banking của NCB được cài đặt trên thiết bị di động có hỗ trợ kết nối Internet để thực hiện các giao dịch với Ngân hàng mà không cần tới quầy giao dịch.

1.27. Tài sản bảo đảm: Là tiền ký quỹ, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của NCB, được NCB chấp nhận làm tài sản bảo đảm cho việc cấp tín dụng qua thẻ tín dụng của chủ thẻ và không dùng để thanh toán ở các kỳ sao kê (đối với trường hợp tài sản bảo đảm là tiền).

1.28. Điều khoản điều kiện: Bao gồm Điều khoản và điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại NCB và Điều khoản điều kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 2. Mối tương quan giữa thẻ ảo với thẻ thông thường

2.1. Đối với thẻ phát hành trước ngày 26/03/2026, thẻ thông thường và thẻ ảo có số thẻ độc lập cho đến khi hết hiệu lực thẻ hoặc đến khi phát sinh yêu cầu gia hạn, phát hành lại, thay đổi sản phẩm thẻ.

Đối với thẻ phát hành từ ngày 26/03/2026, thẻ thông thường và thẻ ảo có cùng một số thẻ. Khi thẻ thông thường được kích hoạt, thẻ ảo sẽ tự động bị đóng và khách hàng sử dụng thẻ thông thường để giao dịch

2.2. Thẻ ảo được hiển thị trực tuyến trên NCB iziMobile với đầy đủ thông tin của thẻ. Khách hàng có thể yêu cầu phát hành và chỉ sử dụng thẻ ảo, mà không cần thẻ thông thường.

2.3. Hạn mức giao dịch:

Đối với thẻ thông thường và thẻ ảo có số thẻ độc lập: Thẻ thông thường và thẻ ảo có hạn mức giao dịch độc lập (gồm các giao dịch rút tiền, thanh toán, giao dịch

không tiếp xúc) và được quy định theo biểu hạn mức được NCB ban hành từng thời kỳ. Khi thay đổi hạn mức giao dịch của một trong hai thẻ sẽ không ảnh hưởng đến hạn mức giao dịch của thẻ còn lại.

Đối với thẻ thông thường và thẻ ảo có cùng một số thẻ: Thẻ thông thường và thẻ ảo có cùng hạn mức giao dịch (rút tiền, thanh toán, giao dịch không tiếp xúc).

2.4. Sao kê thẻ trên MB: hiển thị sao kê thẻ thông thường và thẻ ảo độc lập nhau, các loại phí thu chung cho cả hai thẻ chỉ hiển thị ở sao kê thẻ thông thường.

2.5. Khách hàng được thực hiện khóa/mở thẻ trên Mobile Banking để chủ động quản lý an toàn sử dụng thẻ trong các tình huống phát sinh rủi ro hoặc nhu cầu hợp lý. NCB có quyền áp dụng các biện pháp giám sát, kiểm soát và điều chỉnh phù hợp đối với các trường hợp phát sinh tần suất khóa/mở thẻ bất thường, có dấu hiệu lạm dụng chức năng, hoặc tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến an toàn hệ thống, an toàn giao dịch và quyền lợi của khách hàng. Các biện pháp kiểm soát (nếu có) được thực hiện theo quy định nội bộ của NCB trong từng thời kỳ và không làm thay đổi quyền sử dụng hợp pháp của khách hàng đối với thẻ tín dụng.

Điều 3. Phạm vi sử dụng thẻ

3.1. Chủ thẻ được sử dụng hạn mức thẻ tín dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp và rút tiền mặt theo thỏa thuận với NCB, phù hợp với quy định pháp luật.

3.2. Thẻ tín dụng không được sử dụng để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước, ví điện tử.

3.3. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ theo quy định của pháp luật và quy định của NCB trong từng thời kỳ. Trừ trường hợp:

- Thực hiện giao dịch bằng thẻ vật lý tại máy giao dịch tự động;
- Thanh toán tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán.
- Rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch, điểm đại lý thanh toán của NCB để cung ứng tiền mặt cho chủ thẻ.
- Trích nợ tự động theo thỏa thuận giữa NCB và chủ thẻ.

3.4. Đối với các giao dịch thẻ ra nước ngoài:

a) Trong trường hợp có yêu cầu từ NCB, chủ thẻ cần cung cấp các giấy tờ, chứng từ liên quan đến giao dịch như sau:

- Hóa đơn giao dịch thẻ in ra từ thiết bị chấp nhận thẻ/máy giao dịch tự động.
- Hóa đơn mua hàng.
- Các chứng từ khác theo thực tế phát sinh và quy định của NCB theo từng thời kỳ.

b) NCB sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ liên quan đến giao dịch thẻ ra nước ngoài khi có yêu cầu tra soát, khiếu nại theo quy định của NCB hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan chức năng/TCTQT/Ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp chủ thẻ không cung cấp/cung cấp không đủ giấy tờ theo quy định này, chủ thẻ phải chịu trách nhiệm theo quyết định của cơ quan chức năng/TCTQT/Ngân hàng Nhà nước và NCB được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp này.

Điều 4. Thẻ chính và các thẻ phụ

4.1. Điều kiện sử dụng thẻ phụ

Chủ thẻ phụ được sử dụng thẻ tín dụng theo chỉ định cụ thể của chủ thẻ chính và phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật;

b) Từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

4.2. NCB có quyền quy định số lượng thẻ phụ tối đa mà chủ thẻ chính được phát hành tại từng thời điểm. Quy định này được NCB thông báo công khai trên website chính thức của NCB (www.ncb-bank.vn).

4.3. Chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một tài khoản thẻ tín dụng đối với hạn mức tín dụng được cấp cho chủ thẻ chính. Trong trường hợp chủ thẻ chính không có khả năng thanh toán dư nợ, (các) chủ thẻ phụ phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ và ngược lại.

4.4. Giao dịch của chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một sao kê và được gửi cho chủ thẻ chính để thanh toán.

4.5. Chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ cùng chịu trách nhiệm liên đới và mỗi người chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện Điều khoản Điều kiện này. Việc mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo Điều khoản Điều kiện này của chủ thẻ chính vì bất kỳ lý do gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không làm giảm trừ nghĩa vụ liên đới của (các) chủ thẻ phụ trong việc thực hiện Điều khoản Điều kiện này. (Các) Chủ thẻ phụ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của tất cả các chủ thẻ đối với NCB. Trường hợp chủ thẻ chính hoặc chủ thẻ phụ mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo Điều khoản Điều kiện này thì (các) Chủ thẻ còn lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của tất cả các chủ thẻ đối với NCB.

4.6. Trường hợp chủ thẻ bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi thì việc thực hiện Điều khoản Điều kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4.7. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu NCB ngừng cung cấp dịch vụ thẻ cho chủ thẻ phụ bằng văn bản hoặc thông báo qua Tổng đài chăm sóc khách hàng theo số điện thoại được thông báo trên website chính thức của NCB (www.ncb-bank.vn). Nếu việc

sử dụng thẻ của chủ thẻ chính bị chấm dứt hoặc Điều khoản Điều kiện này bị chấm dứt thì việc sử dụng thẻ phụ của chủ thẻ phụ đương nhiên chấm dứt.

4.8. Chủ thẻ chính được quyền thay mặt (các) Chủ thẻ phụ trong việc ký nhận thẻ, thông báo mất thẻ/thất lạc, yêu cầu đóng thẻ, phát hành lại thay thế thẻ hết hạn, thay đổi hạn mức và các yêu cầu trợ giúp khác (nếu có).

Điều 5. Hạn mức thẻ tín dụng và thời hạn hiệu lực của thẻ tín dụng

5.1. Hạn mức thẻ tín dụng: NCB sẽ cấp một hạn mức tín dụng vào tài khoản thẻ, chủ thẻ có nghĩa vụ tuân thủ hạn mức này. Thẻ thông thường và thẻ ảo có chung một hạn mức tín dụng. Thời hạn cấp tín dụng tối đa 5 năm kể từ ngày cấp hạn mức tín dụng. Thời hạn của hạn mức thẻ tín dụng tuân theo quy định của NCB trong từng thời kỳ và NCB có toàn quyền gia hạn tự động hoặc không gia hạn thời hạn hiệu lực của hạn mức thẻ tín dụng theo quy định của NCB từng thời kỳ và thông báo trước cho chủ thẻ dưới bất cứ hình thức nào.

5.2. Hạn mức sử dụng: Mỗi thẻ được cấp một hạn mức sử dụng đối với từng loại giao dịch bao gồm giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ ứng/rút tiền mặt và các giao dịch khác do NCB toàn quyền quyết định tại từng thời kỳ. Trong cùng một thời điểm, tổng số tiền giao dịch sử dụng trên hạn mức được cấp của thẻ chính và (các) thẻ phụ không được vượt quá hạn mức tín dụng cấp cho chủ thẻ chính. Trường hợp chủ thẻ chính hoặc các chủ thẻ phụ (nếu có) sử dụng vượt hạn mức tín dụng được cấp, chủ thẻ sẽ phải chịu phí phạt vượt hạn mức tính theo số lần vượt theo quy định.

a) Hạn mức sử dụng thẻ trong ngày là số tiền và/hoặc số lần tối đa mà chủ thẻ được phép sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa dịch vụ và/hoặc rút tiền mặt trong một ngày.

b) Hạn mức thanh toán hàng hóa, dịch vụ là tổng số tiền tối đa chủ thẻ được sử dụng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

c) Hạn mức rút tiền mặt là tổng số tiền tối đa chủ thẻ được phép sử dụng thẻ để rút tiền mặt. Tổng hạn mức rút tiền mặt đối với chủ thẻ tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100.000.000 đồng trong 01 tháng.

Hạn mức rút tiền mặt cụ thể và hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài thực hiện theo quy định của NCB, phù hợp với quy định pháp luật.

d) Các hạn mức về sử dụng thẻ sẽ được NCB quy định tại từng thời kỳ theo từng sản phẩm thẻ, hạng thẻ khác nhau mà chủ thẻ đã đăng ký sử dụng và được công bố công khai trên website của NCB (www.ncb-bank.vn).

e) Trường hợp chủ thẻ sử dụng vượt hạn mức tín dụng được cấp, chủ thẻ sẽ phải chịu phí phạt vượt hạn mức tính theo số lần vượt theo quy định.

5.3. Thay đổi hạn mức giao dịch trên MB:

a) Đối với thẻ thông thường và thẻ ảo có số thẻ độc lập: Thẻ thông thường và thẻ ảo có riêng hạn mức giao dịch (rút tiền, thanh toán, giao dịch không tiếp xúc). Khi thay đổi hạn mức giao dịch của 1 trong 2 thẻ thì hạn mức giao dịch của thẻ còn lại không bị thay đổi theo.

b) Đối với thẻ thông thường và thẻ ảo có cùng số thẻ: Thẻ thông thường và thẻ ảo có cùng hạn mức giao dịch (rút tiền, thanh toán, giao dịch không tiếp xúc).

5.4. Chủ thẻ có quyền yêu cầu NCB tăng/giảm hạn mức tín dụng hoặc hạn mức giao dịch. Căn cứ trên nhu cầu của chủ thẻ, NCB xem xét chấp nhận hoặc từ chối việc tăng/giảm hạn mức cho chủ thẻ theo quy định hiện hành của NCB phù hợp với quy định của pháp luật.

5.5. Chủ thẻ đồng ý rằng, NCB được quyền quyết định tăng hoặc giảm các hạn mức của thẻ (Hạn mức tín dụng thẻ, hạn mức chi tiêu ngày …) trên cơ sở đánh giá quá trình sử dụng thẻ của chủ thẻ. NCB không cần phải nhận được xác nhận bằng văn bản của Chủ thẻ trước khi NCB thay đổi các hạn mức liên quan. NCB thông báo cho chủ thẻ các thay đổi này bằng phương thức mà NCB cho là hợp lý và phù hợp theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này.

Thời hạn hiệu lực của thẻ tín dụng quốc tế tối đa là 05 năm. Thời hạn hiệu lực của thẻ phụ không vượt quá thời hạn hiệu lực còn lại của thẻ chính.

Đối với chủ thẻ là người nước ngoài, bao gồm chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ, thời hạn sử dụng thẻ không vượt quá thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam của từng chủ thẻ.

Điều 6. Lãi suất cho vay và cách tính lãi

6.1. Lãi suất

a) Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay đối với việc sử dụng thẻ tín dụng sẽ do NCB ban hành và được thay đổi trong từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của NCB và/hoặc trên website của NCB (www.ncb-bank.vn).

b) Lãi quá hạn: Lãi suất quá hạn được tính trên phần dư nợ bị quá hạn theo thời gian thực tế chủ thẻ quá hạn trả nợ, áp dụng với Chủ thẻ không trả đúng hạn số tiền cần phải thanh toán vào ngày đến hạn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và theo quy định của NCB về biểu lãi suất được ban hành và niêm yết trong từng thời kỳ.

c) Mức lãi suất của Thẻ tín dụng thực hiện theo quy định của NCB trong từng thời kỳ và sẽ được NCB thông báo cho Khách hàng tại thời điểm phát hành thẻ. Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Lãi suất thẻ tín dụng có thể được NCB điều chỉnh khi các chính sách quản lý của Nhà nước, các quy định của pháp luật hoặc thị trường có sự thay đổi, biến động bất thường hoặc do đặc điểm của sản phẩm

thẻ tín dụng. NCB sẽ thông báo cho chủ thẻ về mức lãi suất điều chỉnh, thời điểm áp dụng lãi suất điều chỉnh dưới hình thức văn bản hoặc thông điệp dữ liệu điện tử bao gồm nhưng không giới hạn bởi email, SMS, thông báo qua kênh ngân hàng điện tử,… theo quy định pháp luật, và được niêm yết tại trụ sở của NCB và/hoặc trên website của NCB (www.ncb-bank.vn). Mức lãi suất điều chỉnh có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong thông báo hoặc từ ngày NCB gửi thông báo (nếu không ghi rõ ngày hiệu lực trên thông báo). Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày NCB thông báo về việc điều chỉnh lãi suất, nếu chủ thẻ không đồng ý với lãi suất điều chỉnh, chủ thẻ có trách nhiệm thông báo với NCB để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ giữa NCB và chủ thẻ.

d) Cách tính lãi: Đối với phần dư nợ phải trả lãi, tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế của chủ thẻ và thời gian phát sinh dư nợ thực tế (từ ngày giao dịch đến hết ngày liền trước ngày chủ thẻ hoàn trả hết nợ). Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và ghi nợ vào ngày sao kê. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời gian phát sinh dư nợ thực tế.

e) Công thức tính lãi:

Số tiền lãi trong hạn = ∑(Dư nợ tính lãi trong hạn * lãi suất trong hạn/365 * số ngày tính lãi)

Trong đó:

- Dư nợ tính lãi trong hạn: Là tổng tiền giao dịch (rút tiền/ứng tiền, thanh toán hàng hóa), số tiền trả góp định kỳ … chưa thanh toán, không bao gồm các khoản phí, lãi.
- Số ngày tính lãi: Là thời gian tính lãi từ ngày giao dịch đến hết ngày liền trước ngày thanh toán hết dư nợ tính lãi trong hạn.

Số tiền lãi quá hạn = ∑(Dư nợ tính lãi quá hạn * lãi suất quá hạn/365 * số ngày tính lãi)

Trong đó:

- Dư nợ tính lãi quá hạn: Là toàn bộ dư nợ thẻ bị quá hạn (bao gồm tất cả các giao dịch, phí, lãi, số tiền trả góp định kỳ…).
- Số ngày tính lãi: Là thời gian tính từ sau ngày sao kê của kỳ liền trước ngày đến hạn thanh toán của kỳ quá hạn thứ 3 liên tiếp, đến hết ngày liền trước ngày thanh toán hết toàn bộ dư nợ tính lãi quá hạn.

f) Các quy định về miễn lãi/thu lãi đối với từng loại giao dịch:

- Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:
  - Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ thanh toán thành công toàn bộ dư nợ cuối kỳ được thông báo trên sao kê thì NCB miễn

lãi cho toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ sao kê của chủ thẻ.

- Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ, NCB sẽ tính lãi đối với toàn bộ dư nợ của các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ sao kê của chủ thẻ theo nguyên tắc quy định tại Điều khoản Điều kiện này.

- Đối với giao dịch rút/ứng tiền mặt: Dư nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ bị tính lãi theo nguyên tắc quy định tại Điều khoản Điều kiện này.

g) Đối với các giao dịch có tra soát, khiếu nại của chủ thẻ: Lãi và phí của các giao dịch tra soát, khiếu nại của chủ thẻ phát sinh và chưa được NCB hoàn trả trong kỳ sao kê cũng được tính theo nguyên tắc được quy định tại Điều khoản Điều kiện này. Đối với giao dịch đang thực hiện tra soát, khiếu nại, chủ thẻ vẫn phải thanh toán sao kê đúng hạn theo quy định. NCB sẽ hoàn lại cho chủ thẻ và các khoản lãi/phí phát sinh đối với những giao dịch tra soát, khiếu nại đúng.

Điều 7. Các loại phí, khoản phạt khi phát hành và sử dụng thẻ

7.1. Chủ thẻ phải trả phí cho NCB khi sử dụng thẻ, bao gồm: Phí dịch vụ, phí giao dịch thẻ và các loại phí khác. Chi tiết các loại phí thẻ tuân theo Biểu phí dịch vụ thẻ của NCB quy định trong từng thời kỳ và được công bố công khai trên website của NCB (www.ncb-bank.vn), tại các điểm giao dịch hoặc chủ thẻ gọi điện thoại lên Tổng đài chăm sóc khách hàng của NCB. Trường hợp có điều chỉnh/thay đổi về phí, NCB sẽ thông báo bằng các phương thức được NCB quy định theo từng thời kỳ tối thiểu 07 (bảy) ngày trước thời điểm việc điều chỉnh có hiệu lực.

7.2. Phí dịch vụ thẻ

a) Phí phát hành thẻ: Là phí thu khi khách hàng đăng ký phát hành thẻ lần đầu.

b) Phí thường niên: Là phí thu hàng năm để duy trì việc sử dụng thẻ. Phí thường niên được hệ thống thu tự động từ hạn mức vào ngày phát hành thẻ thành công hàng năm hoặc theo thực tế hoạt động thu phí của NCB. Phí thường niên sẽ không thu tại năm thẻ hết hạn.

c) Phí thay đổi hạng thẻ: Là phí thu khi thực hiện yêu cầu thay đổi hạng thẻ trong cùng một loại sản phẩm thẻ.

d) Phí thay đổi sản phẩm thẻ: Là phí thu khi chủ thẻ yêu cầu thay đổi sang sản phẩm thẻ tín dụng khác hoặc NCB yêu cầu thay đổi loại sản phẩm thẻ khách hàng đang sử dụng để phù hợp với chính sách của NCB. Phí thay đổi sản phẩm thẻ sẽ tuân theo biểu phí NCB quy định từng thời kỳ.

e) Phí thay đổi hạn mức giao dịch thẻ: Là phí thu khi chủ thẻ yêu cầu thay đổi hạn mức giao dịch thẻ khác biệt so với quy định chung của sản phẩm thẻ trong

một thời gian nhất định trừ trường hợp chủ thẻ chính yêu cầu thay đổi hạn mức giao dịch của thẻ phụ tại thời điểm đăng ký phát hành thẻ phụ.

f) Phí thay đổi hạn mức thẻ tín dụng: Là phí thu khi thực hiện thay đổi hạn mức tín dụng cấp cho thẻ.

g) Phí khiếu nại (trường hợp khiếu nại sai): Là phí thu trong trường hợp chủ thẻ khiếu nại và cung cấp không đúng thông tin giao dịch thẻ đã thực hiện.

h) Phí phát hành lại thẻ theo yêu cầu: Là phí thu khi chủ thẻ yêu cầu phát hành lại thẻ vật lý do lỗi, hỏng, mất thẻ….

i) Phí dịch vụ cấp lại PIN: Là phí thu khi khách hàng yêu cầu cấp lại PIN mới.

j) Phí thông báo mất cắp/thất lạc thẻ: Là phí thu khi chủ thẻ thông báo về việc thẻ bị mất cắp/thất lạc trong trường hợp khách hàng yêu cầu cập nhật thông tin mất cắp, thất lạc lên TCTQT.

k) Phí dịch vụ SMS thẻ tín dụng: Là phí thu hàng tháng khi chủ thẻ đăng ký nhận SMS biến động số dư khi giao dịch thẻ.

l) Phí cấp xác nhận dư nợ thẻ tín dụng: Là phí thu khi chủ thẻ yêu cầu NCB xác nhận dư nợ thẻ tín dụng tại NCB.

m) Phí cấp xác nhận hạn mức thẻ tín dụng: Là phí thu khi chủ thẻ yêu cầu NCB xác nhận hạn mức thẻ tín dụng tại NCB.

n) Phí đóng thẻ: Là phí thu trong trường hợp chủ thẻ yêu cầu đóng thẻ trong vòng 1 năm kể từ ngày mở thẻ thành công trên hệ thống hoặc theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

o) Phí sử dụng vượt hạn mức tín dụng thẻ: Là phí thu trong trường hợp dư nợ của chủ thẻ tại thời điểm bất kỳ vượt quá hạn mức tín dụng của thẻ do NCB cấp.

p) Phí (phạt) thanh toán trễ hạn: Là phí thu khi chủ thẻ không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ sao kê vào ngày đến hạn thanh toán.

q) Phí thiết lập giao dịch trả góp: Là phí thu khi chủ thẻ đăng ký trả góp cho dư nợ/giao dịch thẻ tín dụng.

r) Phí trả nợ trước hạn giao dịch trả góp: Là phí thu khi chủ thẻ yêu cầu trả nợ trước hạn một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đăng ký trả góp của thẻ tín dụng.

7.3. Phí giao dịch thẻ

a) Là các loại phí chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch bằng thẻ có thu phí theo quy định của NCB như: phí rút tiền, phí truy vấn, phí in sao kê, phí vấn tin tài khoản, phí giao dịch qua biên mậu, phí chuyển đổi ngoại tệ…..

b) Phí chuyển đổi ngoại tệ: Là phí thu khi chủ thẻ thực hiện giao dịch bằng loại tiền khác VND (đồng Việt Nam).

Điều 8. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch thẻ

8.1. Trên lãnh thổ Việt Nam

a) Đồng tiền giao dịch là đồng Việt Nam. Trường hợp được sử dụng ngoại hối để giao dịch theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối thì đồng tiền thể hiện trong giao dịch là đồng Việt Nam hoặc đồng Việt Nam và ngoại tệ.

b) Giao dịch rút tiền mặt bằng thẻ phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

c) Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam. Các ĐVCNT chỉ được nhận thanh toán bằng đồng Việt Nam từ TCTTT.

d) Trong trường hợp cần quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ theo tỷ giá do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.

8.2. Ngoài lãnh thổ Việt Nam

a) Các giao dịch thẻ thực hiện bằng đồng tiền theo quy định của quốc gia nơi giao dịch được thực hiện. Khi thực hiện giao dịch thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam, chủ thẻ phải thực hiện thanh toán cho NCB bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.

b) Mọi giao dịch của chủ thẻ thực hiện bằng ngoại tệ sẽ được quy đổi trực tiếp thành đồng Việt Nam hoặc trước tiên quy đổi sang Đô la Mỹ (USD) và sau đó chuyển từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam theo tỷ giá của TCTQT tại thời điểm thanh quyết toán hoặc theo tỷ giá do NCB quy định từng thời kỳ.

c) Giao dịch rút tiền mặt bằng thẻ tại quốc gia nào sẽ nhận được đồng tiền theo quy định tại quốc gia đó.

d) Chủ thẻ phải chịu phí giao dịch thẻ quốc tế với các giao dịch thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam, giao dịch bằng ngoại tệ và các giao dịch khác theo quy định của Tổ chức thẻ Quốc tế và/hoặc NCB trong từng thời kỳ.

Điều 9. Sao kê

9.1. Vào ngày sao kê, NCB sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của chủ thẻ phát sinh trong kỳ sao kê đã được cập nhật trên hệ thống của NCB. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá của NCB và/hoặc TCTQT vào ngày quyết toán giao dịch. NCB sẽ thu (các) phí phát sinh theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

9.2. Hàng tháng, một bảng sao kê sẽ được gửi sau ngày lập bảng sao kê ("Ngày Sao kê") trong đó nêu chi tiết về (a) tổng số nợ của tài khoản thẻ ("Dư nợ hiện tại"), (b) số nợ tối thiểu mà chủ thẻ sẽ phải trả liên quan đến số dư nợ hiện tại theo xác định của NCB ("thanh toán tối thiểu") và (c) ngày phải trả cho NCB ("Ngày đến hạn thanh toán"). NCB gửi bảng sao kê cho chủ thẻ chính theo địa chỉ email mà chủ thẻ chính đã đăng ký với NCB trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành

và sử dụng thẻ tín dụng NCB. Trong trường hợp chủ thẻ chính không đăng ký địa chỉ email với NCB hoặc trường hợp chủ thẻ chính không nhận được sao kê do thay đổi địa chỉ email mà không có thông báo với NCB hoặc bất cứ nguyên nhân nào không phải do lỗi của NCB, chủ thẻ chính vẫn có trách nhiệm thanh toán cho NCB các khoản phải trả trong kỳ. Ngoài ra, Khách hàng có thể thực hiện tra cứu về sao kê thẻ bằng cách truy cập vào Internet Banking (IB) hoặc Mobile Banking (MB) của NCB và/hoặc các hình thức khác do NCB cung cấp từng thời kỳ.

9.3. Chủ thẻ phải kiểm tra tính chính xác của nội dung trên bảng sao kê và thông báo cho đơn vị kinh doanh của NCB hoặc thông báo cho Tổng đài chăm sóc khách hàng theo số điện thoại được thông báo trên website chính thức của NCB (www.ncb-bank.vn) về bất kỳ giao dịch nào trong bảng sao kê không hợp lệ trong vòng 07 ngày kể từ ngày sao kê. Nếu chủ thẻ không thông báo trong thời gian nói trên, (các) giao dịch trong bảng sao kê sẽ được coi là đúng và chính xác và chủ thẻ đồng ý thanh toán tất cả các giao dịch, phí và lãi phát sinh thể hiện trên sao kê. NCB sẽ tiến hành kiểm tra ngay khi nhận được thông báo hợp lệ của chủ thẻ về bất kỳ giao dịch nào không do chủ thẻ thực hiện hoặc không hợp lệ trên bảng sao kê theo quy định của NCB từng thời kỳ. Quá thời hạn trên, NCB vẫn tiếp tục hỗ trợ kiểm tra nhưng kết quả sẽ phụ thuộc vào thiện chí của các đối tác khác có liên quan và chủ thẻ sẽ phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do chậm thông báo.

9.4. Đối với thẻ tín dụng NCB Visa, NCB được quyền từ chối điều tra các yêu cầu tra soát giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 25 USD hoặc tương đương tại các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí theo quy định của các TCTQT (ví dụ: Hàng không, dịch vụ thuê xe, đi tàu biển, đi tàu hỏa, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, đại lý du lịch, website giải trí…) và các giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 10 USD hoặc tương đương tại các ĐVCNT khác không thuộc loại hình kinh doanh nêu trên.

9.5. NCB có quyền từ chối điều tra các yêu cầu tra soát khiếu nại của chủ thẻ đã vượt quá thời hạn theo quy định của NCB và các trường hợp khác theo quy định của TCTQT từng thời kỳ.

Điều 10. Thanh toán nợ thẻ tín dụng

10.1. Thứ tự thanh toán nợ:

a) NCB thu đủ số tiền thanh toán tối thiểu tại từng kỳ sao kê theo thứ tự: Lãi trả góp (nếu có); Phí trả góp (nếu có); Gốc trả góp định kỳ (nếu có); Lãi; Phí thường niên; Phí giao dịch rút tiền/ứng tiền; Các loại phí khác; Các giao dịch rút tiền mặt; Các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ; Các giao dịch khác.

b) Sau khi thu đủ số tiền thanh toán tối thiểu, dư nợ còn lại được thu theo thứ tự: Lãi; Lãi trả góp (nếu có); Phí thường niên; Phí giao dịch rút tiền/ứng tiền; Các loại phí khác; Phí trả góp (nếu có); Gốc trả góp định kỳ (nếu có); Các giao dịch rút tiền mặt; Các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ; Các giao

dịch khác.

c) Trong mỗi thành phần nợ, khoản phát sinh trước được thu trước.

10.2. Thanh toán nợ:

d) NCB quy định ngày đến hạn thanh toán đối với mỗi loại thẻ tín dụng cụ thể.

e) Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho NCB tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên sao kê, mức ít nhất bằng số tiền thanh toán tối thiểu.

f) Việc thanh toán nợ của chủ thẻ chỉ được tính là thành công khi hệ thống của NCB ghi nhận được giao dịch của chủ thẻ và hạn mức thẻ tín dụng sẽ được khôi phục bằng đúng số tiền chủ thẻ đã thanh toán vào ngày làm việc tiếp theo.

g) Trong trường hợp số tiền thanh toán trước hạn nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ sao kê, chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch còn lại trước hoặc chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán.

h) Tỷ lệ thanh toán tối thiểu được NCB quy định theo từng hạng thẻ tín dụng, có thể thay đổi trong từng thời kỳ và được công bố công khai trên website của NCB (www.ncb-bank.vn) hoặc thông báo bằng phương thức mà NCB cho là hợp lý và phù hợp theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này .

10.3. Các phương thức thanh toán nợ thẻ tín dụng:

a) Trích nợ tự động: Chủ thẻ có thể đăng ký trích nợ tự động số tiền thanh toán tối thiểu hoặc toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng của kỳ sao kê từ tài khoản thanh toán VND của chính chủ thẻ mở tại NCB. Vào ngày đến hạn thanh toán, hệ thống sẽ tự động trích nợ theo đăng ký của khách hàng để chi trả cho kỳ sao kê đến hạn.

b) Nộp tiền mặt: Chủ thẻ thực hiện nộp tiền mặt vào tài khoản thẻ tín dụng tại các điểm giao dịch của NCB.

c) Chuyển khoản từ tài khoản thanh toán mở tại NCB hoặc tài khoản mở tại ngân hàng khác vào tài khoản thẻ tín dụng (qua số thẻ tín dụng/số tài khoản thẻ tín dụng theo quy định của NCB trong từng thời kỳ).

d) Sử dụng tính năng thanh toán dư nợ thẻ tín dụng qua Internet Banking (IB) hoặc Mobile Banking (MB) của NCB.

e) Thanh toán dư nợ thẻ qua các app, ví điện tử chấp nhận thanh toán nợ thẻ NCB theo thông báo của NCB.

f) Các hình thức khác được NCB quy định trong từng thời kỳ.

Điều 11. Chuyển nợ quá hạn, áp lãi suất quá hạn và thu hồi nợ

11.1. Vào ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán nhỏ hơn số tiền tối thiểu trong kỳ sao kê, phần còn lại của số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị chuyển nợ quá hạn. Khi thẻ bị quá hạn 03 ngày, NCB sẽ gửi thông báo tới khách hàng về việc thẻ bị quá hạn và số tiền cần thanh toán qua SMS và/hoặc các hình thức thông báo khác theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

11.2. Bất cứ kỳ sao kê nào phát sinh nợ quá hạn, chủ thẻ sẽ bị thu phí (phạt) thanh toán trễ hạn theo biểu phí của NCB quy định trong từng thời kỳ.

11.3. Sau 05 ngày kể từ chuyển nợ quá hạn, thẻ chính và (các) thẻ phụ sẽ bị khóa tạm thời. Thẻ sẽ được mở lại khi chủ thẻ hoàn trả hết toàn bộ khoản nợ quá hạn.

11.4. Nếu chủ thẻ chậm thanh toán (không thanh toán đủ số tiền tối thiểu tại ngày đến hạn thanh toán) 03 kỳ liên tiếp trở lên:

a) Hệ thống sẽ phong tỏa hạn mức thẻ tín dụng, khóa vĩnh viễn thẻ chính và (các) thẻ phụ, chấm dứt việc sử dụng thẻ.

b) Toàn bộ dư nợ của chủ thẻ chuyển thành nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn sẽ được áp dụng từ sau ngày chốt sao kê của kỳ liền trước ngày đến hạn thanh toán của kỳ quá hạn thứ 3 liên tiếp, đến trước ngày chủ thẻ thanh toán hết toàn bộ dư nợ quá hạn, dư nợ tính lãi quá hạn là tổng dư nợ của kỳ sao kê.

11.5. Trong mọi trường hợp thẻ bị nợ quá hạn, NCB có thể sẽ thực hiện thu hồi nợ quá hạn trên tất cả các tài khoản thanh toán (bao gồm cả tài khoản nhận lương, tài khoản thanh toán chung) của chủ thẻ mở tại NCB, khoản tiền gửi, tài sản khác và các khoản thu nhập khác của chủ thẻ do NCB chi trả hoặc thông qua hệ thống của NCB để thanh toán nợ theo quy định của NCB mà không cần bất kỳ sự chấp thuận nào của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi chậm trả, phí phạt, phần tiền hoàn ưu đãi (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác.

11.6. Trường hợp thẻ tín dụng được cấp theo hình thức có tài sản bảo đảm:

a) Nếu tài sản bảo đảm là sản phẩm huy động vốn (Tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn hoặc chứng chỉ tiền gửi/kỳ phiếu/tín phiếu hoặc các loại giấy tờ có giá khác do NCB phát hành): Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hạn mức tín dụng hết hạn, nếu NCB đã thông báo xử lý tài sản bảo đảm nhưng chủ thẻ không thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ thẻ phải trả, NCB sẽ tiến hành tất toán bằng cách khấu trừ tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn hoặc chứng chỉ tiền gửi/kỳ phiếu/tín phiếu hoặc các loại giấy tờ có giá khác của chủ thẻ để thu hồi nợ. Số tiền còn lại sau khi đã trừ đi các khoản nợ khách hàng phải trả cho NCB (bao gồm nợ gốc, lãi, lãi quá hạn,…) sẽ được trả vào tài khoản của khách hàng.

b) Nếu tài sản bảo đảm khác sản phẩm huy động vốn: Sau 10 ngày kể từ ngày hạn mức tín dụng bị hết hạn, NCB sẽ tiến hành các trình tự về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

Điều 12. Đảm bảo an toàn trong sử dụng thẻ

12.1. Chủ thẻ chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật PIN, OTP, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch. Chủ thẻ không được chuyển nhượng thẻ hoặc đưa thẻ cho người khác sử dụng, không được tiết lộ thông tin thẻ, PIN, OTP, mật khẩu sử dụng trên các ứng dụng thanh toán mà NCB triển khai trong từng thời kỳ cho bất cứ ai, trong bất kỳ trường hợp nào để tránh phát sinh các giao dịch không do chủ thẻ thực hiện.

12.2. Chủ thẻ chịu trách nhiệm ký chữ ký mẫu vào ô chữ ký ở mặt sau thẻ ngay sau khi nhận thẻ. Khi thực hiện giao dịch tại ĐVCNT, điểm ứng tiền mặt tại quầy, chủ thẻ phải ký trên hoá đơn thanh toán giống chữ ký mẫu trừ những giao dịch không yêu cầu có chữ ký của chủ thẻ.

12.3. Chủ thẻ không được sử dụng hoặc cho bất kỳ người nào khác sử dụng thẻ và phải hủy thẻ bằng cách cắt nhỏ thẻ ngay sau khi xảy ra một trong các sự kiện: (i) Thẻ bị thay thế, bị hư hỏng; (ii) Thẻ bị chấm dứt, hủy bỏ hoặc chấm dứt sử dụng theo quy định tại bản Điều khoản Điều kiện này; (iii) Thẻ đã thông báo là bị mất, bị thất lạc nhưng sau đó chủ thẻ tìm lại được; (iv) Hết thời hạn hiệu lực (nếu có) ghi trên thẻ. Chủ thẻ chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại, tổn thất mà NCB phải chịu do việc chủ thẻ không thực hiện đúng quy định tại Điều khoản Điều kiện này.

12.4. Chủ thẻ chịu trách nhiệm đăng ký dịch vụ SMS Banking và Mobile Banking khi phát hành thẻ để kịp thời quản lý các giao dịch thẻ của chủ thẻ và thực hiện các giao dịch thẻ trực tuyến.

12.5. Trong trường hợp mất thẻ hoặc lộ thông tin thẻ, chủ thẻ có thể chủ động thực hiện khóa thẻ qua Mobile Banking và thông báo ngay qua Hotline 24/7 hoặc tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch của NCB để kịp thời ngăn chặn, giảm thiểu tổn thất/thiệt hại có thể phát sinh.

12.6. Chủ thẻ chịu trách nhiệm về các rủi ro phát sinh (nếu có) liên quan đến các giao dịch được thực hiện bằng thẻ của chủ thẻ trừ trường hợp thẻ bị lộ thông tin/giả mạo do nguyên nhân khách quan.

Điều 13. Tạm khóa, từ chối thanh toán thẻ, tạm dừng giao dịch thẻ, thu hồi thẻ, chấm dứt sử dụng thẻ/hủy hiệu lực của thẻ

13.1. Tạm khóa thẻ

NCB sẽ tạm khóa thẻ trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ thẻ yêu cầu khóa thẻ qua các kênh cho phép của NCB như: Tổng đài chăm sóc khách hàng, quầy giao dịch, ứng dụng Mobile Banking, …hoặc các kênh khác theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

b) NCB nghi ngờ hoặc nhận được thông báo từ TCTQT/Hiệp hội Thẻ, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an và các cơ quan chức năng khác cung cấp về việc

nghi ngờ dữ liệu thẻ của chủ thẻ đã bị lộ.

c) NCB phát hiện giao dịch thẻ có dấu hiệu bất thường như: Thẻ bị sao chép dữ liệu, bị giả mạo, giao dịch thẻ giả mạo…) và cần đảm bảo an toàn cho chủ thẻ.

d) Khi thẻ phát sinh nợ quá hạn từ 05 ngày trở lên: Hệ thống sẽ tạm khóa thẻ chính và (các) thẻ phụ (nếu có).

e) Khi thẻ phát sinh nợ quá hạn 03 kỳ sao kê liên tiếp: Hệ thống sẽ tự động khóa vĩnh viễn đối với thẻ chính và (các) thẻ phụ (nếu có).

f) Khóa thẻ chờ tất toán HMTD thẻ, chờ thanh lý.

g) Thẻ nhập sai PIN 3 lần liên tục.

h) Thẻ bị tạm khóa khi có giao dịch chạm cảnh báo nghi ngờ rủi ro nhằm đảm bảo an toàn cho chủ thẻ.

i) Thẻ vật lý giả.

j) Thẻ được chủ thẻ thông báo mất thẻ, lộ thông tin thẻ.

k) Thẻ thực hiện giao dịch trái quy định pháp luật, hoặc vi phạm bất cứ cam kết, thỏa thuận nào với NCB, quy định của TCTQT và của pháp luật liên quan đến việc sử dụng thẻ.

l) Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật.

m) NCB phát hiện khách hàng sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để phát hành thẻ hoặc sử dụng thẻ cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.

n) Chủ thẻ có khoản nợ từ nhóm 3 trở lên ở NCB hoặc ở các TCTD khác.

o) Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú của chủ thẻ là người nước ngoài tại Việt Nam bị hết hiệu lực.

p) Chủ thẻ và thông tin chủ thẻ bao gồm (họ và tên, quốc tich, địa chỉ đăng ký thường trú, và nơi ở hiện tại) thuộc danh sách phòng, chống rửa tiền của NCB.

q) Các trường hợp khác theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

13.2. Từ chối thanh toán thẻ

a) Sử dụng thẻ giả để giao dịch.

b) Sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán khống tại ĐVCNT và các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định của pháp luật.

c) Thẻ đã được chủ thẻ thông báo bị mất cắp/thất lạc và NCB đã xác nhận việc nhận được thông báo này.

d) Chủ thẻ chính chủ động khóa toàn bộ thẻ chính và (các) thẻ phụ (nếu có).

e) HMKD không đủ để chi trả cho giao dịch.

f) Thẻ giao dịch vượt quá hạn mức giao dịch theo quy định của NCB.

g) Chủ thẻ vi phạm quy định của pháp luật, quy định của NCB, của TCTTT hoặc các thỏa thuận khác giữa chủ thẻ với NCB.

h) Chủ thẻ nhập sai mã PIN, OTP vượt quá số lần theo quy định của NCB từng thời kỳ.

i) Thiết bị thanh toán thẻ hoặc Ngân hàng thanh toán thẻ không kết nối thành công được với NCB.

j) Chủ thẻ cung cấp chưa đầy đủ/cung cấp sai thông tin khi giao dịch (giao dịch trực tuyến).

k) Thẻ đã hết thời hạn tín dụng hoặc hết thời hạn sử dụng thẻ.

l) Thẻ bị hỏng chip/từ hoặc bị tẩy xóa thông tin.

m) Các giao dịch không được TCTQT chấp thuận.

n) Thẻ nằm trong danh sách thẻ đen, hoặc thẻ có giao dịch tại ĐVCNT nằm trong danh sách ĐVCNT đen.

o) Thẻ bị khóa.

p) Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của khách hàng hết hiệu lực.

q) Khi có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của chủ thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

r) Các trường hợp bị từ chối khác theo thực tế phát sinh và quy định của NCB theo từng thời kỳ và được thông báo cho chủ thẻ theo quy định.

13.3. Tạm dừng giao dịch thẻ

a) NCB sẽ tạm dừng giao dịch thẻ nếu chủ thẻ không cập nhật, bổ sung thông tin giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của chủ thẻ hết hiệu lực.

b) NCB tạm dừng giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử trong trường hợp thẻ có phát sinh giao dịch nhưng NCB không thể liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp.

c) Các trường hợp tạm dừng giao dịch thẻ khác theo quy định của NCB trong từng thời kỳ và được thông báo cho chủ thẻ theo quy định, thu hồi thẻ

13.4. Thẻ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Thẻ giả.

b) Thẻ sử dụng trái phép.

c) Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật.

d) NCB phát hiện khách hàng sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để phát hành thẻ hoặc sử dụng thẻ cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.

e) Thẻ bị lộ thông tin phát sinh giao dịch nghi ngờ gian lận.

f) Các trường hợp thu hồi thẻ khác theo quy định của pháp luật và của NCB, được thỏa thuận tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.

13.5. Chấm dứt sử dụng thẻ/Hủy hiệu lực của thẻ

a) Khi chủ thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng thẻ/hủy hiệu lực thẻ hoặc theo đề xuất của NCB, toàn bộ dư nợ phát sinh liên quan đến thẻ chính và các thẻ phụ (nếu có) sẽ đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi dư nợ tính đến thời điểm hiện tại theo thông báo của NCB. Sau khi đã thanh toán toàn bộ dư nợ và chấm dứt sử dụng thẻ/hủy hiệu lực thẻ nhưng vẫn có giao dịch phát sinh liên quan làm tăng dư nợ của thẻ, chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán các giao dịch này và các khoản lãi, phí theo quy định của NCB.

b) Sau khi đã yêu cầu chấm dứt sử dụng thẻ/hủy hiệu lực thẻ và chủ thẻ đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ thẻ tín dụng, NCB sẽ thực hiện đóng thẻ hoàn toàn sau 35 ngày. Trường hợp chủ thẻ yêu cầu đóng thẻ trước thời hạn trên, NCB được quyền yêu cầu chủ thẻ phải thanh toán hết tổng dư nợ tính đến thời điểm hiện tại và nộp một số tiền tối thiểu bằng 30% hạn mức tín dụng của thẻ vào tài khoản thanh toán của chủ thẻ tại NCB để NCB phong tỏa trong vòng 35 ngày. Hết thời hạn này, NCB sẽ thực hiện giải tỏa số tiền này cho chủ thẻ.

c) Các trường hợp chấm dứt sử dụng/hủy hiệu lực thẻ như sau:

(i) Theo yêu cầu của chủ thẻ.

(ii) Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho hạn mức thẻ tín dụng và/hoặc những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm.

(iii) Có các vụ kiện, vụ án hoặc sự kiện đe doạ đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của chủ thẻ và NCB phát hiện được những rủi ro có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của chủ thẻ.

(iv) Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền hoặc TCTQT hoặc bất kỳ văn bản, quy định nào của pháp luật.

(v) Việc duy trì hạn mức thẻ tín dụng của chủ thẻ dẫn đến NCB vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(vi) Chủ thẻ, bên thứ ba bảo đảm (nếu có) vi phạm thoả thuận với NCB (bao gồm cả trường hợp vi phạm thỏa thuận liên quan đến các khoản cấp tín

dụng khác mà không khắc phục hoặc không thể khắc phục) hoặc vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

(vii) Chủ thẻ chết/ bị tuyên bố đã chết hoặc mất tích theo Quyết định của Tòa án.

(viii) Tài sản của chủ thẻ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ và không đảm bảo được hạn mức tín dụng của chủ thẻ (trong trường hợp chủ thẻ được cấp hạn mức thẻ tín dụng có tài sản bảo đảm).

(ix) Chủ thẻ nghỉ việc, thay đổi thu nhập, mà không bổ sung giấy tờ theo đúng quy định hoặc không đáp ứng được điều kiện sử dụng thẻ.

(x) NCB phát hiện khách hàng sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu giả, mạo danh phát hành thẻ hoặc sử dụng thẻ cho các mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

(xi) Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ số tiền quá hạn thẻ tín dụng trong 03 kỳ sao kê liên tiếp.

(xii) Chủ thẻ bị bắt, khởi tố, bị truy tố trách nhiệm hình sự.

(xiii) Chủ thẻ thuộc danh sách nghị ngờ gian lận, lừa đảo tại Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước và danh sách khách hàng liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có).

(xiv) Các trường hợp liên quan đến giao dịch giả mạo và quản lý rủi ro (bao gồm thẻ có dấu hiệu bị gian lận hoặc vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp khác theo đánh giá của NCB, thẻ bị mất hoặc được sử dụng không đúng mục đích, giao dịch khống hoặc vi phạm quy định của NCB).

(xv) NCB có cơ sở cho rằng nếu để chủ thẻ tiếp tục sử dụng HMTTD thẻ có thể gây ra tổn thất cho NCB trong tương lai.

(xvi) Thẻ hết thời hạn hiệu lực đã thanh toán hết dư nợ mà chủ thẻ không tới NCB làm thủ tục đóng thẻ.

(xvii) Chủ thẻ từ chối nhận thẻ sau khi NCB phát hành, hoặc sau 90 ngày kể từ ngày phát hành mà chủ thẻ không đến nhận thẻ.

(xviii) Các trường hợp khác theo quy định của NCB và của Pháp luật.

Điều 14. Tra soát, khiếu nại

14.1. Khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thẻ, chủ thẻ có quyền yêu cầu NCB tra soát. Chủ thẻ có thể thực hiện yêu cầu tra soát, khiếu nại bằng

cách gọi điện đến Tổng đài chăm sóc khách hàng hoặc tại các đơn vị kinh doanh của NCB. Các hình thức tiếp nhận tra soát, khiếu nại được tuân theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

14.2. Chủ thẻ chính được yêu cầu tra soát, khiếu nại về các sai sót phát sinh trong quá trình giao dịch, sử dụng thẻ của mình và (các) chủ thẻ phụ (nếu có). Thời hạn yêu cầu tra soát, khiếu nại của chủ thẻ không vượt quá 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho khách hàng, NCB thực hiện bồi hoàn cho chủ thẻ theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của chủ thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng thỏa thuận tại hợp đồng. Trường hợp tổn thất phát sinh do lỗi của các bên liên quan (TCTTT, TCTGTT, TCTQT, ĐVCNT), bên có lỗi thực hiện bồi hoàn cho NCB theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

14.3. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NCB mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, NCB thỏa thuận với chủ thẻ về phương án xử lý hoặc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho chủ thẻ cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.

14.4. Trường hợp NCB, chủ thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được hoặc không đồng ý với kết quả xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

14.5. Trường hợp thẻ bị lộ thông tin phát sinh giao dịch nghi ngờ gian lận, NCB sẽ thu hồi lại thẻ và hủy theo quy định. Khách hàng yêu cầu phát hành lại thẻ và chịu phí phát hành thẻ theo quy định của NCB.

14.6. Thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại tối đa không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của chủ thẻ theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại Bản Điều khoản Điều kiện này.

Điều 15. Quy định về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân

Thực hiện theo các quy định tại bản Điều Khoản Điều Kiện Chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân được công bố công khai trên website chính thức của NCB trong từng thời kỳ (website: www.ncb-bank.vn).

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ

16.1. Quyền của chủ thẻ

a) Được sử dụng thẻ theo quy định tại Điều 4 của Bản Điều khoản Điều kiện này.

b) Được quyền nhận sao kê của NCB theo định kỳ hàng tháng. Có quyền yêu

cầu NCB cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất về giao dịch, số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định của NCB.

c) Chủ thẻ có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ theo quy định của NCB.

d) Được quyền hưởng ưu đãi dành cho chủ thẻ do NCB và/hoặc các đối tác của NCB cung cấp theo từng thời kỳ.

e) Các quyền khác theo quy định của Bản Điều khoản Điều kiện này.

f) Cho phép KH đóng thẻ thông thường và/hoặc thẻ ảo nếu hạn mức thẻ tín dụng vẫn còn hiệu lực. Đảm bảo trong mọi thời điểm hạn mức thẻ tín dụng luôn được gán với một thẻ. Khi hạn mức thẻ tín dụng hết hạn/đóng theo yêu cầu của KH và hủy hiệu lực một trong hai thẻ thì hệ thống tự động hủy hiệu lực thẻ còn lại, phí đóng thẻ được NCB quy định theo từng thời kỳ

16.2. Nghĩa vụ của chủ thẻ

a) Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của NCB khi phát hành thẻ, trong quá trình sử dụng thẻ và thông báo cho NCB ngay khi có những thay đổi (Địa chỉ liên lạc, số điện thoại di động, địa chỉ email, tình trạng công tác …) so với những thông tin đã khai báo lần đầu trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NCB.

b) Chủ thẻ có trách nhiệm phối hợp với NCB trong việc kiểm tra, đối chiếu, cập nhật và xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng; cung cấp giấy tờ, thông tin và dữ liệu sinh trắc học cần thiết theo quy định pháp luật. Trong trường hợp pháp luật yêu cầu kiểm tra thông tin người sử dụng số thuê bao khi đăng ký giao dịch trên ứng dụng ngân hàng, chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác và phối hợp với NCB thực hiện việc kiểm tra.

c) Chủ thẻ phải tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp trong việc sử dụng hạn mức thẻ tín dụng và có trách nhiệm chứng minh việc sử dụng hạn mức thẻ tín dụng là hợp pháp theo yêu cầu của NCB hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Chủ thẻ phải sử dụng thẻ đúng mục đích đã cam kết theo hợp đồng đã giao kết với NCB, không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

e) Chủ thẻ có trách nhiệm đến nhận thẻ (với trường hợp chủ thẻ đăng ký nhận thẻ tại NCB và chủ thẻ đăng ký nhận thẻ tại địa chỉ riêng nhưng đơn vị chuyển phát nhanh không liên hệ được với chủ thẻ sẽ được trả về đơn vị kinh doanh phát hành thẻ của NCB) trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát hành thẻ. Sau thời hạn này, thẻ sẽ tự động bị hủy và chủ thẻ vẫn phải chịu các chi phí liên quan đến phát hành thẻ.

f) Khi nhận thẻ, chủ thẻ phải ký vào thẻ ngay lập tức khi nhận được thẻ. Chủ thẻ phải tự bảo quản thẻ bảo mật PIN, các mã số xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin thẻ; thông báo và phối hợp với TCPHT để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại và không được phép cho bất kỳ người nào sử dụng thẻ.

g) Chủ thẻ cam kết không thực hiện các giao dịch trái với pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và/hoặc nước sở tại. Chủ thẻ sẽ phải chịu trách nhiệm về tất cả các giao dịch thẻ mà chủ thẻ đã thực hiện được liệt kê tại bảng sao kê cũng như tất cả các phí liên quan mà không bị ảnh hưởng bởi việc chấm dứt hiệu lực của Điều khoản Điều kiện này.

h) Chủ thẻ có trách nhiệm đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin và chịu trách nhiệm về các rủi ro phát sinh nếu có liên quan đến thẻ của mình khi giao dịch trên bất kỳ kênh nào như ATM, điểm chấp nhận thẻ, thanh toán trực tuyến, … và chủ thẻ không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến thẻ cho bên thứ ba. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các thiệt hại phát sinh (nếu có) đối với các giao dịch thẻ được thực hiện do sai sót của chủ thẻ hoặc do chủ thẻ không thực hiện đúng các nghĩa vụ theo trong Điều khoản Điều kiện này.

i) Trong trường hợp chủ thẻ phát hiện thẻ của mình bị mất, bị đánh cắp, bị lợi dụng hoặc bị người khác sử dụng trái phép hoặc có phát sinh giao dịch trái phép trên tài khoản thẻ, chủ thẻ chủ động thực hiện khóa thẻ trên Mobile Baking hoặc liên hệ qua kênh Tổng đài chăm sóc khách hàng hoặc các hình thức khác để được hỗ trợ khóa thẻ. Chủ thẻ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những tổn thất, thiệt hại phát sinh đã xảy ra trước khi thông báo cho NCB về thông tin thẻ của mình bị mất, bị kẻ gian đánh cắp, bị lợi dụng, bị tiết lộ cho người thứ ba và khoảng thời gian sau khi chủ thẻ thông báo cho đến khi NCB có thể xử lý cho chủ thẻ. Điều khoản này vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi chủ thẻ ngưng hoặc chấm dứt sử dụng Thẻ.

j) Chủ thẻ phải thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho NCB các khoản vay (bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh) theo quy định của NCB trong toàn bộ thời gian sử dụng thẻ và ngay cả sau khi chấm dứt sử dụng thẻ nếu vẫn còn dư nợ.

k) Thông báo và hoàn trả lại cho NCB các khoản tiền có được do sự cố của hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin… mà không thuộc sở hữu của chủ thẻ. Chủ thẻ đồng ý để NCB tự động ghi nợ các khoản tiền này mà không cần thông báo cho chủ thẻ.

l) Kiểm tra cẩn thận bảng sao kê, các báo cáo về tài khoản thẻ tín dụng và thông báo cho NCB ngay lập tức nếu có bất kỳ sự khác biệt nào.

m) Chủ động cập nhật các thông tin liên quan đến đặc điểm, tính năng, thông

báo, thông tin cảnh báo (nếu có) và quy đinh chương trình, sản phẩm liên quan đến thẻ được niêm yết tại địa điểm giao dịch của NCB và/hoặc website của NCB (www.ncb-bank.vn) hoặc các phương thức khác được NCB quy định theo từng thời kỳ.

n) Chủ động cập nhật nội dung Điều khoản và điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại NCB trên website của NCB (www.ncb-bank.vn) và/hoặc tại các điểm giao dịch của NCB hoặc bằng các phương thức truyền thông khác.

o) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này, quy định của NCB và pháp luật.

16.3. Cam kết của chủ thẻ

a) Cam kết không thực hiện các giao dịch trái với luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc nước sở tại nơi chủ thẻ sử dụng thẻ để giao dịch.

b) Cam kết chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng thẻ đã thực hiện trước thời điểm NCB nhận được thông báo qua Tổng đài chăm sóc khách hàng bởi chính chủ thẻ hoặc thông báo tại đơn vị kinh doanh bất kỳ của NCB bằng văn bản về việc thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ thông tin hoặc có nghi ngờ thẻ đang bị lợi dụng, bao gồm giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ người nào và thời gian sau khi chủ thẻ thông báo cho đến khi NCB có thể xử lý cho Khách hàng.

c) Đồng ý và cho phép NCB tìm kiếm thông tin liên quan đến chủ thẻ từ bất kỳ bên thứ ba nào.

d) Đồng ý để NCB có quyền quyết định cung cấp thông tin giao dịch thẻ cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ (như dịch vụ in và gửi sao kê hoặc các dịch vụ khác do NCB lựa chọn phù hợp với pháp luật Việt Nam) hoặc bên thứ ba hợp tác với NCB trong việc mở rộng và gia tăng thêm giá trị sử dụng thẻ cho Khách hàng hoặc cơ quan công an, Ngân hàng Nhà nước để điều tra về giao dịch theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

e) Trong trường hợp pháp luật có quy định hoặc nhằm nâng cao công nghệ, đảm bảo tính an toàn, bảo mật trong quá trình sử dụng thẻ, chủ thẻ đồng ý để NCB toàn quyền thực hiện việc chuyển đổi, thay thế thẻ nhưng không ảnh hưởng đến hạn mức thẻ tín dụng mà chủ thẻ đang sử dụng. Khi thực hiện việc chuyển đổi, thay thế thẻ, NCB sẽ thực hiện thông báo đến Khách hàng thông qua website chính thức của NCB (www.ncb-bank.vn) hoặc số điện thoại/email chủ thẻ đăng ký với NCB. Chủ thẻ cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các hướng dẫn theo các thông báo của NCB để hoàn tất việc chuyển đổi, thay thế và tiếp tục sử dụng thẻ.

f) Chủ thẻ công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện theo đúng quy định của NCB về quy trình thanh toán bằng thẻ qua Internet và/hoặc có sử dụng chữ ký, chữ ký điện tử của chủ thẻ mà không được hủy, phủ nhận, từ chối, thay đổi, thoái thác giao dịch với bất kỳ lý do nào; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã được thực hiện.

g) Đối với các giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử, chủ thẻ nhận thức đầy đủ các rủi ro có thể gặp phải khi thực hiện giao dịch, cam kết các hoạt động diễn ra do chứng từ điện tử của mình lập khớp đúng quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra do vô tình hay cố ý để lộ chữ ký điện tử, dẫn đến bị kẻ gian lợi dụng.

h) Chủ thẻ cam kết và đồng ý không khiếu kiện khi giao dịch có thể bị gián đoạn, không thực hiện được do lỗi mạng, đường truyền, hệ thống, điện, hoặc các lỗi kỹ thuật khác của bên cung ứng dịch vụ hoặc của NCB, hoặc do có các sự cố xuất phát từ các nguyên nhân thời tiết, động đất, thiên tai…

i) Trường hợp chủ thẻ thực hiện thanh toán bằng thẻ qua Internet để thanh toán cho các nhà cung ứng dịch vụ (CƯDV), chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm về việc thực hiện quy trình thanh toán theo thỏa thuận với nhà CƯDV, chịu trách nhiệm đối với các giao dịch được thực hiện với đầy đủ thông tin số thẻ, họ tên khách hàng, ngày hết hạn và số bảo mật thẻ (CVV); và cam kết tự giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc cung ứng dịch vụ của nhà CƯDV về số tiền thanh toán, hàng hóa thanh toán, thời gian giao nhận hàng hóa; thời điểm thanh toán; chịu trách nhiệm về các giao dịch được gửi nhiều lần và các vấn đề khác giữa chủ thẻ và nhà CƯDV trong mọi thời điểm, kể cả trước, trong và sau khi NCB đã chuyển tiền đến tài khoản của nhà CƯDV.

j) Chủ thẻ cam kết chỉ sử dụng thẻ theo đúng quy trình thanh toán bằng thẻ qua Internet do NCB quy định và sử dụng thẻ trong phạm vi số dư được phép sử dụng và trong hạn mức thanh toán theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

k) Trường hợp chủ thẻ được phát hành thẻ qua chương trình do NCB hợp tác/liên kết với Đối tác[1], chủ thẻ xác nhận đã đồng ý cho Đối tác cung cấp thông tin của chủ thẻ cho NCB và cam kết các thông tin do Đối tác cung cấp là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin và các rủi ro phát sinh. NCB được quyền sử dụng các thông tin đó phục vụ cho quá trình phát hành thẻ.

16.4. Các hành vi bị cấm

a) Hành vi sửa chữa, tẩy xóa thông tin trên thẻ vật lý không đúng quy định pháp

[1] Là các tổ chức, doanh nghiệp có hợp đồng/thỏa thuận hợp tác với NCB trong hoạt động phát hành thẻ theo quy định NCB từng thời kỳ.

luật; làm giả thẻ vật lý; lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng thẻ giả.

b) Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi.

c) Cung cấp không trung thực thông tin thẻ có liên quan đến việc sử dụng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán.

d) Mở hoặc duy trì thẻ nặc danh, mạo danh; mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn thẻ; thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ thẻ ngân hàng (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh); lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin thẻ ngân hàng.

e) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của NCB

17.1. Quyền của NCB

a) NCB được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin, … bị lỗi hoặc vì bất cứ lý do nào ngoài khả năng kiểm soát của NCB.

b) NCB được miễn trách nhiệm đối với việc thẻ bị thất lạc, mất cắp, bị lộ, bị đánh cắp thông tin hay bất kỳ trạng thái bất lợi khác không phải do lỗi NCB gây ra.

c) Từ chối cấp phép các giao dịch thẻ không hợp pháp, hợp lệ theo quy định của NCB và pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của NCB.

d) Yêu cầu chủ thẻ cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu cần thiết khi phát hành thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ.

e) Yêu cầu chủ thẻ thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản dư nợ thẻ theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này.

f) Được quyền thu hồi thẻ vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho chủ thẻ hoặc thông qua TCTTT hoặc ĐVCNT trong trường hợp chủ thẻ vi phạm quy định của pháp luật, của NCB, của TCTQT hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều khoản Điều kiện này, hoặc các trường hợp nghi ngờ thẻ giả, giả mạo. Trong trường hợp này, NCB được miễn trách nhiệm đối với bất kỳ sự tổn hại nào tới danh dự, uy tín của chủ thẻ trong việc thu hồi lại thẻ.

g) Có quyền kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng thẻ trong suốt thời hạn của Điều khoản Điều kiện này và yêu cầu chủ thẻ có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều

kiện cho NCB thực hiện việc kiểm tra, giám sát này.

h) NCB không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ trường hợp nào mà thẻ bị ĐVCNT từ chối. Đồng thời NCB không chịu trách nhiệm về việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản thẻ giá trị các giao dịch đã thanh toán bằng thẻ cho dù hàng hóa, dịch vụ có được giao, nhận hoặc thực hiện hay không.

i) Các quyền khác theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này, quy định của NCB và quy định pháp luật.

17.2. Nghĩa vụ của NCB

a) Phát hành và cung cấp dịch vụ thẻ cho chủ thẻ theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này.

b) Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này, quy định của NCB và TCTQT.

c) Hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản thẻ tín dụng của chủ thẻ sau khi thẻ đã đóng, chủ thẻ hoàn thành mọi nghĩa vụ trả nợ với NCB và đề nghị ngân hàng hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản thẻ tín dụng.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều khoản Điều kiện này, quy định của NCB và quy định pháp luật.

Điều 18. Các điều khoản khác

18.1. Các quy định khác

a) Nếu chủ thẻ sử dụng thẻ để đặt trước các dịch vụ nhưng không sử dụng dịch vụ đó và không thông báo hủy dịch vụ trong thời hạn quy định của ĐVCNT, chủ thẻ có thể phải thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị dịch vụ, các loại thuế và phí liên quan theo quy định của từng ĐVCNT. NCB có quyền ghi nợ tài khoản của chủ thẻ đối với các trường hợp này.

b) Bất cứ yêu cầu nào của chủ thẻ liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ phải được thực hiện bằng văn bản hoặc hình thức được pháp luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận. NCB sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do việc thực hiện theo các yêu cầu của chủ thẻ không thực hiện thông qua các hình thức này.

c) Chi phí gia tăng: Khi phát sinh sự kiện làm gia tăng chi phí NCB, NCB sẽ tính toán và thông báo cho chủ thẻ số chi phí tăng thêm mà chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo, chủ thẻ có nghĩa vụ bồi hoàn cho NCB số tiền chi phí tăng thêm được quy định trong thông báo. Trường hợp chủ thẻ chậm trả số tiền chi phí tăng thêm này, chủ thẻ sẽ phải trả lãi trên số tiền chậm trả này theo mức lãi phạt chậm trả, cách tính lãi

được quy định tại Điều khoản Điều kiện này.

d) NCB được quyền định kỳ đánh giá lại hạn mức tín dụng đã cấp cho chủ thẻ, đánh giá lại các điều kiện phát hành thẻ của chủ thẻ, trên cơ sở đó có quyền đơn phương chấm dứt/thay đổi (tăng/giảm) hạn mức tín dụng đã cấp cho chủ thẻ và thay đổi hạng thẻ của chủ thẻ theo quy định của NCB.

18.2. Điều khoản và điều kiện dành cho Khách hàng theo FATCA

a) NCB không đưa ra bất cứ lời khuyên nào về thuế cho Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo thuế và các nghĩa vụ khác liên quan đến tài khoản của mình trên toàn thế giới.

b) Khách hàng đồng ý rằng NCB có thể thu thập, lưu trữ, sử dụng, xử lý, tiết lộ và báo cáo cho bất kỳ cơ quan thuế hoặc cơ quan nào khác có thẩm quyền các Thông tin thuế, thông tin tài chính hoặc thông tin khác mà NCB nắm giữ hoặc do Khách hàng cung cấp cho NCB theo quy định của FATCA và quy định Pháp luật có liên quan.

c) Khách hàng cam kết trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông tin Thuế của Khách hàng có thay đổi hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của NCB ("Yêu cầu"), Khách hàng sẽ cung cấp cho NCB các thông tin thuế đã thay đổi và/hoặc bất kỳ thông tin thuế, thông tin tài chính hoặc thông tin nào khác được xác định trong Yêu cầu (một cách riêng lẻ hoặc tổng hợp).

d) Nếu Khách hàng không cung cấp/không cung cấp đúng thời hạn cho NCB bất kỳ Thông tin nào được nêu trong Yêu cầu hoặc không thực hiện các nội dung khác (nếu có) theo Yêu cầu của NCB trong từng thời kỳ, Khách hàng đồng ý rằng: NCB có quyền báo cáo các thông tin có liên quan cho cơ quan thuế theo quy định của FATCA và/hoặc tiến hành các biện pháp sau mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ trách nhiệm nào với Khách hàng: i) Trên cơ sở thông báo cho Khách hàng bằng văn bản, trừ hoặc khấu trừ thuế hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác được tiếp nhận hoặc chi trả bởi NCB theo quy định của FATCA và quy định của pháp luật có liên quan. ii) Đóng thẻ của Khách hàng, đình chỉ hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ cho Khách hàng hoặc chấm dứt mối quan hệ của NCB với Khách hàng.

18.3. Thông báo

a) Chủ thẻ cam kết địa chỉ nêu tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NCB ký kết giữa chủ thẻ và NCB là địa chỉ (bao gồm địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email,…) chủ thẻ nhận các thông báo của NCB.

b) Trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ và/hoặc xuất cảnh khỏi Việt Nam, chủ thẻ phải thông báo cho NCB ngay khi có sự thay đổi. Trường hợp này, địa chỉ nêu tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NCB (hoặc địa chỉ nêu tại văn bản Thông báo mà NCB nhận được sau cùng),

mọi thông tin NCB gửi được xem là chủ thẻ đã nhận được và NCB không phải chịu trách nhiệm về việc chủ thẻ có hay không nhận được các thông tin liên lạc mình đã gửi.

c) Tất cả các thông báo của NCB đến chủ thẻ sẽ được NCB gửi cho chủ thẻ dưới hình thức: (i) Giao nhận trực tiếp, (ii) Gửi bằng thư bảo đảm/bưu điện, (iii) Gửi bằng phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu như email, tin nhắn sms, điện thoại,…, (iv) thông báo trên ứng dụng Mobile Banking của NCB, (v) công bố công khai trên website của NCB (https://www.ncb-bank.vn) hoặc niêm yết tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của NCB.

18.4. Sự kiện bất khả kháng

a) Những trường hợp được xem là sự kiện bất khả kháng là những sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện hay có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hiệu lực của hợp đồng.

b) Những trường hợp được coi là sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi: động đất, lũ lụt, hạn hán, cháy nổ, dịch bệnh, thảm họa, thiên trai, chiến tranh, khủng bố, đình công, phá sản,…hoặc những sự kiện không thể lường trước được và không có nghĩa vụ phải biết trước dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện hay có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hiệu lực của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa chủ thẻ và NCB;

c) Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng cho một bên thì trong vòng bảy (07) ngày bên đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho bên còn lại và trong vòng ba mươi (30) ngày phải gửi văn bản cho bên còn lại mô tả chi tiết về nguyên nhân của sự kiện, ảnh hưởng của sự kiện đối với việc thực hiện nghĩa vụ. Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, các bên có trách nhiệm tích cực khắc phục hậu quả (nếu có) và tiếp tục thực hiện hợp đồng.

d) Nếu có sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn một (01) tháng, thì các bên sẽ xem xét và quyết định một cách hợp lý về nội dung các điều khoản tại hợp đồng. Trong trường hợp các bên không thống nhất được phương án thực hiện, các bên đồng ý giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

18.5. Bảo mật thông tin chủ thẻ

Chủ thẻ đồng ý cho NCB thực hiện các nội dung sau:

a) Mục đích thu thập và sử dụng thông tin chủ thẻ: Chủ thẻ tại hợp đồng này đồng ý việc NCB thu thập và sử dụng thông tin chủ thẻ với mục đích nghiên cứu, đánh giá để hiểu về nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng của chủ thẻ phục vụ các nghiệp vụ ngân hàng, hợp tác với bên thứ ba để cung cấp

các sản phẩm, dịch vụ cho chủ thẻ.

b) Phạm vi thu thập và sử dụng thông tin chủ thẻ: NCB chỉ thu thập và yêu cầu chủ thẻ cung cấp các thông tin của chủ thẻ mà NCB đánh giá là có liên quan và cần thiết để phục vụ các mục đích thu thập thông tin theo quy định và các thông tin khác theo yêu cầu tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc điều ước quốc tế Việt Nam đã tham gia.

c) Phương thức thu thập thông tin chủ thẻ: NCB thu thập thông tin chủ thẻ trực tiếp từ chủ thẻ hoặc bên thứ ba hoặc thông qua các phương thức hợp pháp khác. NCB có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong quá trình thu thập thông tin như thông qua hệ thống website, ứng dụng trên điện thoại thông minh và các phương tiện khác nếu cần.

d) Cập nhật thông tin chủ thẻ: Thông tin chủ thẻ có thể được NCB cập nhật thường xuyên trong suốt thời gian thiết lập quan hệ với NCB thông qua cập nhật định kỳ hoặc khi NCB phát hiện thông tin đó chưa chính xác và/hoặc không còn chính xác và/hoặc theo đề nghị hợp pháp của chủ thẻ.

e) Lưu trữ thông tin chủ thẻ: Thông tin chủ thẻ được lưu trữ tại NCB theo quy định của pháp luật (nếu có) và quy định của NCB đảm bảo thông tin chủ thẻ an toàn, chính xác, đầy đủ so với thông tin được cung cấp, thu thập.

f) Sử dụng thông tin chủ thẻ: Thông tin chủ thẻ có thể được sử dụng bởi các đơn vị và/hoặc bộ phận và/hoặc cá nhân có liên quan của NCB trên cơ sở tuân thủ các quy định nội bộ của NCB và phù hợp với quy định của pháp luật. Thông tin chủ thẻ được sử dụng theo đúng các mục đích thu thập đã thông báo công khai đến chủ thẻ theo quy định tại Điều kiện Điều khoản này.

g) Chuyển giao thông tin chủ thẻ:

- Đối với thông tin chủ thẻ do chủ thẻ cung cấp và thông tin phát sinh từ giao dịch của chủ thẻ với NCB, NCB chuyển giao thông tin chủ thẻ cho bên thứ ba ngoài NCB trong trường hợp đã có sự đồng ý của chủ thẻ trước hoặc trong hoặc sau thời điểm chủ thẻ sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng do NCB cung cấp hoặc hợp tác với bên thứ ba cung cấp và theo hình thức phù hợp với thỏa thuận giữa NCB với chủ thẻ.
- Việc chuyển giao thông tin chủ thẻ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan và quy định của NCB trong từng thời kỳ.
- Trong phạm vi pháp luật cho phép, NCB thực hiện cung cấp thông tin chủ thẻ cho các nhà thầu, các đơn vị tư vấn, kiểm toán, các đơn vị cung cấp dịch vụ khác nhằm thực hiện các mục đích thu thập thông tin chủ thẻ theo quy định tại Hợp đồng này.
- Trong trường hợp NCB có nhu cầu chuyển giao thông tin chủ thẻ cho bên thứ

ba theo thỏa thuận giữa NCB và chủ thẻ, NCB yêu cầu bên thứ ba thực hiện việc bảo đảm an toàn, quản lý, sử dụng và thực hiện các hành vi khác đối với thông tin được cung cấp phù hợp với quy định của NCB và quy định có liên quan của pháp luật và/hoặc thỏa thuận giữa NCB và chủ thẻ.

18.6. Sửa đổi, bổ sung nội dung

a) NCB được sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều khoản Điều kiện này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho chủ thẻ hoặc thông báo trên website của NCB (www.ncb-bank.vn) hoặc các phương thức NCB quy định theo từng thời kỳ. Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong thông báo hoặc từ ngày NCB gửi thông báo (Nếu không ghi rõ ngày hiệu lực trên thông báo).

b) Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày NCB thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản Điều kiện này, nếu chủ thẻ không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung do NCB đưa ra, chủ thẻ có trách nhiệm thông báo với NCB để thỏa thuận chấm dứt Điều khoản Điều kiện này. Nếu chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ sau thời hạn 5 ngày, chủ thẻ được coi như đã hiểu, đồng ý và cam kết tuân thủ với những nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều khoản Điều kiện do NCB quy định.

18.7. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp

a) Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này được điều chỉnh bởi luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các quy định về phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ quốc tế.

b) Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến việc giải thích từ ngữ cũng như việc thực hiện Điều khoản Điều kiện này giữa chủ thẻ và NCB trước hết sẽ được giải quyết thông qua phương thức thương lượng. Trong trường hợp thương lượng không thành công, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam để giải quyết.

18.8. Thời hạn hiệu lực và Điều khoản thi hành

a) Điều khoản Điều kiện này là một phần không tách rời của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NCB, có hiệu lực cùng thời điểm với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NCB cho đến khi chủ thẻ hoàn thành mọi nghĩa vụ thanh toán và chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng.

b) Những tài liệu, văn bản có liên quan đến các nội dung thỏa thuận trong Điều khoản Điều kiện này như sao kê, biểu phí phát hành, thông báo sửa đổi, bổ sung Điều khoản Điều kiện về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân là một bộ phận không tách rời của Điều khoản Điều kiện này.

c) Bản Điều khoản Điều kiện này là bộ phận không tách rời của Giấy đề nghị

kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng NCB. Chủ thẻ xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Điều khoản Điều kiện này, đã được NCB giải thích chính xác, đầy đủ về các nội dung trước khi ký.

d) Khách hàng có thể tham khảo nội dung của Điều khoản Điều kiện này tại website của NCB (www.ncb-bank.vn).